

Bản án số: 14/2025/HNGĐ - ST

Ngày 28-8-2025

V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quản Thị G, sinh ngày 02/02/1979; số định danh cá nhân: 035179002206; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là thôn Đ, phường K, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Chu Văn Tr, sinh ngày 01/01/1976; số định danh cá nhân: 035076000567; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là thôn Đ, phường K, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Quản Thị G trình bày: Bà kết hôn với ông Chu Văn Tr trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 09/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Văn Xá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau thường xuyên. Do vợ chồng mâu

thuần căng thẳng nên từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay ông bà đã ly thân nhau, không quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Chu Văn Tr.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Chu Văn Tr trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông với bà Quản Thị G và thời điểm vợ chồng sống ly thân đúng như bà G đã trình bày. Ông Tr xác định mặc dù tình cảm vợ chồng giữa ông với bà G không còn nhưng ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà G và ông Tr thống nhất xác định vợ chồng ông bà có 02 con chung là Chu Minh Ph, sinh ngày 11/01/2003 và Chu Minh H, sinh ngày 01/01/2008. Hiện nay anh Ph đã trưởng thành và lao động tự lập nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H chưa đủ 18 tuổi, ông bà thỏa thuận khi ly hôn sẽ giao cháu cho ông Tr nuôi dưỡng, bà G không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ông Tr.

Về con riêng: Bà G và ông Tr đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Bà G và ông Tr thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa là vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Quản Thị G. Xử lý hôn giữa bà Quản Thị G và ông Chu Văn Tr. Về con chung: Giao cháu Chu Minh H, sinh ngày 01/01/2008 cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng, bà G không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của ông Tr. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là bà Quản Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Chu Văn Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Quán Thị G và ông Chu Văn Tr là hợp pháp, ông bà đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Văn Xá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn ông bà chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nặng nề. Nay bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn ông Tr. Còn ông Tr mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và ông bà đã ly thân nhau là thực tế, bản thân ông cũng không còn tình cảm với bà G. Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa bà G và ông Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho bà G được ly hôn ông Tr là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà G và ông Tr có 02 con chung là Chu Minh Ph, sinh ngày 11/01/2003 và Chu Minh H, sinh ngày 01/01/2008. Hiện nay anh Ph đã trưởng thành và lao động tự lập, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn cháu H chưa đủ 18 tuổi, ông bà thỏa thuận khi ly hôn sẽ giao cháu cho ông Tr nuôi dưỡng, bà G không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ông Tr. Tại lời khai của cháu H cũng có quan điểm xin được ở với bố. Xét thấy sự thỏa thuận về nuôi con của bà G và ông Tr là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] *Về con riêng*: Bà G và ông Tr không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Bà G và ông Tr cùng thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa bà Quản Thị G và ông Chu Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Minh H, sinh ngày 01/01/2008 cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Bà G không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ông Tr.

Ông Tr cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Bà Quản Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002385 ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Bà G đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ